

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRIỆU SƠN  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2024/ HNGĐ-ST  
Ngày: 16 - 01 -2024  
V/v “ Ly hôn, tranh chấp  
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thủy

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Hữu Thủy và bà Đào Thị Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Sỹ Vĩ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 259/2023/HNGĐ - ST ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “ Ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2023/QĐST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 56/2023 ngày 26/12/2023 giữa:

**- Nguyên đơn:** Chị Trịnh Thị L, sinh năm 1993 ( có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

**- Bị đơn:** Anh Lê Viết S, sinh năm 1986( vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Trịnh Thị L trình bày: Chị và anh Lê Viết S đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 02 năm 2021 tại UBND thị trấn N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện và cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng anh, chị đoàn tụ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh S ham chơi thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, không quan tâm đến chị L, chị đã góp ý nhiều lần và mong muốn anh thay đổi, nhưng không có kết quả, dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau. Vợ chồng anh, chị đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 đến

nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Lê Viết S.

*Về con chung:* Vợ chồng anh, chị có 01 ( một) người con chung với nhau, tên cháu là Lê Tuệ N, sinh ngày 22/8/2021, hiện nay cháu đang ở cùng với ông bà nội, anh S thì đi làm tại H. Ly hôn nguyên vọng của chị L mong muốn được trực tiếp nuôi cháu Tuệ N, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Nghề nghiệp của chị L làm công nhân, thu nhập bình quân hàng tháng từ 7.000.000đ đến 8.000.000đ, nên chị xét thấy đủ điều kiện để nuôi con.

*Về tài sản và phần nợ:* Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh S vắng mặt, quá trình giải quyết vụ án, anh S trình bày anh và chị L chung sống với nhau từ năm 2020 nhưng mãi đến ngày 22 tháng 02 năm 2021 vợ chồng anh chị mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND thị trấn N, huyện T. Quá trình chung sống vợ chồng anh, chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, dẫn đến hay cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly, không còn quan tâm đến nhau. Anh S cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị L được ly hôn.

*Về con chung:* Vợ chồng anh có một con chung, cháu tên là Lê Tuệ N, sinh ngày 22/8/2021, hiện nay cháu đang ở với anh S cùng với ông bà nội, mặc dù anh S đi làm tại H, nhưng anh vẫn thường xuyên về thăm nom và giáo dục cháu N. Nguyên vọng của anh xin được trực tiếp nuôi cháu N cho đến khi cháu 18 tuổi, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

*Về tài sản:* Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 luật hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận ly hôn của chị Trịnh Thị L và anh Lê Viết S. Về con chung đề nghị áp dụng Điều 81; 82 và 83 luật hôn nhân gia đình, giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Tuệ N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L; Về tài sản: Anh chị không yêu cầu nên không xem xét; Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc Hội. Buộc chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1].*Về tố tụng:* Đây là vụ án “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Lê Viết S cư trú trên địa bàn huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn

theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị Trịnh Thị L và anh Lê Viết S đăng ký kết hôn ngày 22/02/2021 tại UBND thị trấn N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn số 08/2021. Như vậy việc đăng ký kết hôn của anh, chị tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị thì thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh chị đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 55 luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Trịnh Thị L và anh Lê Viết S.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị có 01 (một) con chung với nhau, tên cháu là Lê Tuệ N, sinh ngày 22/8/2021. Ly hôn anh, chị đều có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Vì vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến người chưa thành niên, nên ngày 13/11/2023 Tòa án tiến hành xác minh về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp và điều kiện nuôi con của chị L và anh S. Tại buổi xác minh UBND thị trấn N cho biết nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị L và anh S UBND thị trấn không biết, vì vợ chồng anh chị không có đơn trình bày, không yêu cầu các đoàn thể và chính quyền địa phương hòa giải. Hiện nay vợ chồng anh chị đang sống ly thân mỗi người ở một nơi. Vợ chồng anh, chị có 01 con chung, đang ở cùng ông bà nội tại thị trấn N. Chị L và anh S đều đi làm tại H. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị Trịnh Thị L và anh Lê Viết S thì thấy. Anh, chị đều có thu nhập và điều kiện kinh tế, có sức khỏe như nhau. Hiện nay cháu Lê Tuệ N chưa đủ 36 tháng tuổi, đang còn nhỏ nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc và nuôi dưỡng từ người mẹ.

Vì vậy nhằm đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho cháu bé và ổn định về tâm lý và sức khỏe của cháu bé, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị L trực tiếp nuôi cháu Tuệ N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

[4]. *Về tài sản*: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[6]. *Về án phí*: Chị Trịnh Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5; Điều 27 Nghị quyết

326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

*Về hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Trịnh Thị L và anh Lê Viết S.

*Về con chung:* Giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Tuệ N, sinh ngày 22/8/2021 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Anh S có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người trực tiếp nuôi con chung và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở.

*Về tài sản:* Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

*Về án phí:* Chị Trịnh Thị L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm không có giá ngạch. Số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai số AA/2023/0002661 ngày 16 tháng 10 năm 2023 nay trừ 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị L đã nộp đủ.

*Về quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Chị Trịnh Thị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Anh Lê Viết S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Thanh Hóa
- VKS Triệu Sơn
- Các đương sự
- UBND thị trấn N
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thủy**